

Bảng ghi điểm học phần
Học kỳ 2 - Năm học 2018-2019

Tên môn học: CNTT ứng dụng trong QL TN- Mã môn học/ mã nhóm: ITC03003/01 Số tín chỉ: 2

Tên Giảng viên: Phan Trọng Tiến Mã Giảng viên: CNP05

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Chuyên cần	Kiểm tra	Thi	Ghi chú
1	620837	Bùi Thị Ngọc	Anh	25/10/99	K62CNTPB	9	6	6.08
2	623022	Đậu Phi Hải	Anh	30/03/99	K62TYB	10	5.5	5.72
3	620433	Lê Thị Phương	Anh	02/12/99	K62CNSHA	10	4.5	6.04
4	622605	Trần Duy	Anh	25/03/99	K62QLDDA	9	5	5.82
5	620143	Lê Văn	Chiến	10/05/99	K62CNTYA	10	5	5.24
6	624004	Lộc Văn	Chinh	04/06/95	LTK62QLDD	10	5	5.46
7	620933	Dương Thị	Doanh	04/07/99	K62CNTPB	10	5	6.42
8	622735	Hà Mạnh	Dũng	14/07/99	K62QLDDB	9	V	V
9	623100	Lương Hồng	Dương	28/09/99	K62TYB	10	5	6.84
10	620385	Đỗ Thị Thùy	Giang	12/10/99	K62CNSHA	9	6.5	5.94
11	623585	Hoàng Thị	Hà	03/12/99	K62TYH	7	V	V
12	622935	Vũ Thanh	Hà	22/02/99	K62TYA	10	7	6.36
13	622903	Đặng Thúy	Hằng	08/04/99	K62TYA	10	5	5.56
14	620673	Trần Ngọc	Hiền	02/12/99	K62CNSTHA	9	5.5	5.08
15	623111	Nguyễn Minh	Hiếu	26/08/99	K62TYC	9	5	5.4
16	621868	Phạm Minh	Hiếu	23/12/99	K62KHMTA	9	5	4.54
17	624007	Vũ Văn	Hiệu	14/09/95	LTK62QLDD	10	5.5	5.34
18	622938	Bùi Thị Như	Hoa	03/11/99	K62TYA	9	6	6.08
19	620676	Hoàng Thị Thanh	Hoa	09/08/99	K62CNSTHA	10	3.5	6.3
20	624009	Đinh Thúy	Hòa	20/07/96	LTK62QLDD	9	6.5	5.5
21	621878	Hà Hồng	Huệ	25/04/99	K62KHMTA	6	4.5	4.84
22	624010	Nguyễn Thanh	Hùng	14/08/96	LTK62QLDD	9	5.5	5.88
23	620188	Lưu Ngọc	Huy	10/06/97	K62CNTYB	9	4.5	5.98
24	630003LT	Phạm Đắc	Huy	16/10/95	K63LTQLDD	9	5.5	4.98
25	623416	Phan Thị	Lệ	12/11/99	K62TYF	10	5	5.08
26	620770	Trần Thị	Liên	19/12/99	K62CNTPA	9	5	5.98
27	620688	Phạm Vũ Huyền	Linh	23/06/99	K62CNSTHA	9	4.5	5.6
28	630004LT	Lê Việt	Long	20/06/96	K63LTQLDD	9	7.5	6.58
29	624013	Ma Văn	Luân	09/09/94	LTK62QLDD	10	7.5	6.52
30	624014	Đỗ Thành	Nam	06/06/96	LTK62QLDD	9	9	6.84
31	621938	Đinh Tuấn	Nghĩa	04/11/99	K62KHMTA	9	5.5	5.08
32	623131	Nguyễn Xuân	Nguyên	16/02/99	K62TYC	9	5	4.4
33	620702	Tô Vân	Oanh	03/04/99	K62CNSTHA	10	5	5.98
34	620617	Trần Thị	Oanh	01/01/99	K62CNSHC	10	3	5.56
35	624015	Nguyễn Văn	Phóng	14/02/94	LTK62QLDD	9	5	4.76
36	620705	Hoa Thị Thanh	Phương	23/04/99	K62CNSTHA	9	6	5.88
37	623028	Phan Thị Thu	Phương	16/06/99	K62TYB	9	5.5	5.88
38	620234	Lâm Thị	Quyên	02/09/99	K62CNP	10	6	7.36
39	624016	Lê Văn	Quỳnh	16/06/95	LTK62QLDD	10	6	6.04

40	622923	Trần Thị	Sen	15/11/99	K62TYA	9	5.5	4.92	
41	621977	Đỗ Hải	Sơn	27/01/99	K62KHDT	10	4.5	5.4	
42	624018	Chu Việt	Thắng	23/05/94	LTK62QLDD	10	6	6.04	
43	624019	Phạm Văn	Thắng	26/04/95	LTK62QLDD	10	7	5.04	
44	620915	Hồ Thị	Thủy	05/10/99	K62CNETPB	10	6	6.56	
45	623654	Nguyễn Thị Minh	Thủy	16/11/99	K62TYH	9	5	6.24	
46	623257	Nguyễn Kim	Thư	18/07/99	K62TYD	8	6.5	4.76	
47	624020	Nguyễn Minh	Tiến	19/09/95	LTK62QLDD	8	5	5.4	
48	620257	Nguyễn Thị	Trà	19/11/99	K62CNTYB	9	6	4.12	
49	620715	Ngô Thị	Trang	15/11/99	K62CNSTHA	9	4.5	5.46	
50	621917	Nguyễn Khắc	Trung	08/08/99	K62CNTYA	9	5.5	5.56	
51	624023	Nguyễn Hữu	Tú	10/05/94	LTK62QLDD	9	5.5	4.98	

Số sinh viên trong danh sách: 51

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)

, Ngày tháng năm

Giảng viên giảng dạy

(Ký và ghi rõ họ tên)